

**ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

|  |
| --- |
| **Đồ Án Môn Học** |
| ***Phân Tích Thiết Kế Hướng Đối Tượng*** |
| C:\Users\thanh\Desktop\icon.png |

|  |
| --- |
| GVHD: Lương Trần Hy Hiến  Thực hiện: Nhóm 69 |

**Mục Lục**[I.Đặt Vấn Đề 2](#_Toc532559516)

[II. UseCase Diagram 2](#_Toc532559517)

[Xây dựng Usecase Diagram 3](#_Toc532559518)

[Mô Tả Usecase 3](#_Toc532559519)

[Đăng nhập: 3](#_Toc532559520)

[Thanh toán đơn hàng: 4](#_Toc532559521)

[Tìm kiếm sản phẩm: 5](#_Toc532559522)

[Đặt hàng: 5](#_Toc532559523)

[Kiểm tra đơn hàng: 6](#_Toc532559524)

[Lập hóa đơn: 7](#_Toc532559525)

[Thống kê doanh thu: 7](#_Toc532559526)

[Quản lý đơn hàng: 8](#_Toc532559527)

[Quản lý khách hàng: 8](#_Toc532559528)

[Quản lý nhân viên: 9](#_Toc532559529)

[III. Class Diagram 11](#_Toc532559530)

[IV. Sequence Diagram 11](#_Toc532559531)

[V. Communication Diagram 12](#_Toc532559532)

# I.Đặt Vấn Đề

**Khách hàng:**

Là người trực tiếp tìm kiếm sản phẩm, xem sản phẩm trực tiếp bằng website.

Đặt hàng trực tiếp từ website và thanh toán tại nhà.Hủy đơn hàng trên web,thay đổi đơn hàng trên web,thay đổi thông tin tài khoản khách hàng trên web

**Nhân viên:**

Quản lý đơn hàng, quản lý kho hàng,quản lý sản phẩm.

**Quản lý:**

Quản lý tài khoản nhân viên,quản lý tài khoản khách hàng,quản lý đơn hàng, quản lý kho hàng,quản lý sản phẩm.

# II. UseCase Diagram

**Khách hàng:**

Đăng nhập

Tìm kiếm

Đặt hàng

Thanh Toán

**Nhân viên:**

Đăng nhập

Kiểm tra đơn hàng

Lập hóa đơn

Thống kê doanh thu

**Quản lý:**

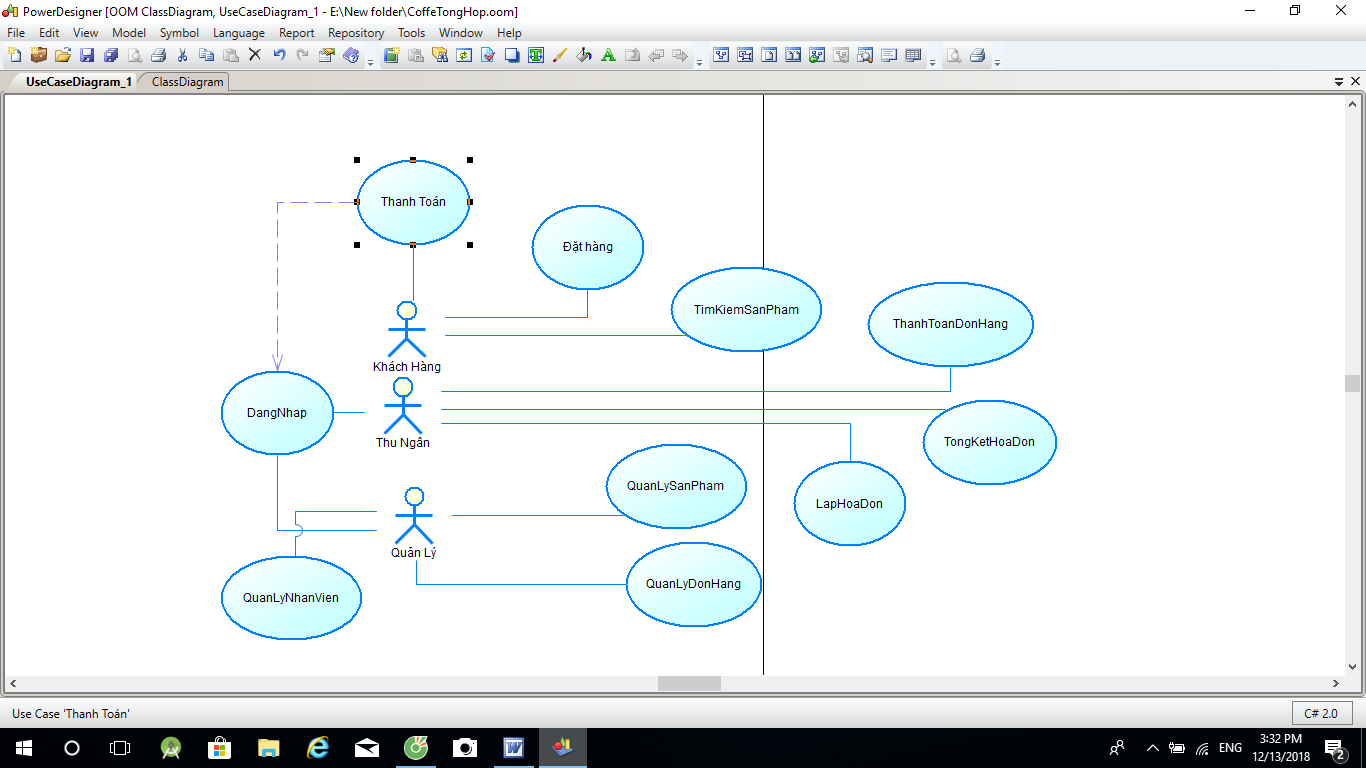
Đăng nhập

Quản lý đơn hàng

Quản lý nhân viên

Quản lý sản phẩm

## Xây dựng Usecase Diagram



## Mô Tả Usecase

### Đăng nhập:

**1.Tóm tắt định danh:**

**Tiêu đề**:Đăng nhập vào hệ thống.

**Tóm tắt**:Use case này cho phép khách hàng,nhân viên,quản lý đăng nhập vào hệ thống để thực hiện những chức năng riêng của mình

**Actor**:Nhân viên,khách hàng,quản lý

**2.Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết;**

-Nhân viên,khách hàng phải được quản lý cấp tài khoản

-Tài khoản của quản lý phải được cấp sẵn trong database

**b. Kịch bản bình thương:**

1.Nhập tài khoản

2.Nhập mật khẩu

3.Nhấn đăng nhập

**c. Kịch bản thay thế:**

Khi mật khẩu hoặc tài khoảng bị sai thì quay lại bước 1 của kịch bản thường

### Thanh toán đơn hàng:

1. **Tóm tắt định dạnh:**

**Tiêu đề**:Thanh toán đơn hàng trên hệ thống

**Tóm tắt**:Use case này cho phép khách hàng thanh toán đơn hàng

**Actor**:Khách hàng

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết**:

Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống,giỏ hàng phải có ít nhất 1 sản phẩm

**b. Kịch bản bình thường:**

1. Khách hàng lựa chọn hình thức thanh toán.

2. Nhấn vào nút thanh toán

### Tìm kiếm sản phẩm:

**1.Tóm tắt định danh:**

**Tiêu đề**:Tìm kiếm sản phẩm trên hệ thống

**Tóm tắt**:Usecase này cho phép khách hàng,quản lý,nhân viên tìm kiếm sản phẩm trên hệ thống

**Actor**:Nhân viên,khách hàng,quản lý

**2.Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:**Không có

**b. Kịch bản bình thường:**

1. Điền 1 vài kí tự liên quan đế tên sản phẩm cần tìm kiếm

2. Ấn nút tìm kiếm

### Đặt hàng:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề**:Khách hàng đặt hàng trên hệ thống

**Tóm tắt:**Usecase này cho phép khách hàng đặt hàng hay nói cách khác là bỏ sản phẩm mình mún mua vào giỏ hàng

**Actor:**Khách hàng

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:**

Khách hàng phải đăng nhập

**b. Kịch bản bình thường:**

1. Chọn sản phầm cần mua

2. Bấm vào nút đặt hàng

**c. Kịch bản thay thế:**

Nếu sản phẩm cần mua đã hết hàng thì quay lại bước 1 của kịch bản bình thường

### Kiểm tra đơn hàng:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề:**Nhân viên kiểm tra đơn hàng trực tiếp tại tiệm hoặc trên hệ thống

**Tóm tắt:**Usecase này cho phép nhân viên kiểm tra hóa đơn của khách hàng

**Actor:**Nhân viên

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:**Không có

**b. Kịch bản bình thường:**Sau khi khách hàng đặt hàng nhân viên sẽ kiểm tra đơn hàng sau đó sẽ chấp nhận đơn hàng rồi giao cho khách

### Lập hóa đơn:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề:**Nhân viên lập hóa đơn

**Tóm tăt:**Usecase này cho phép nhân viên lập hóa đơn rồi giao kèm với sản phẩm cho khách

**Actor:**Nhân viên

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết :**Không có

**b. Kịch bản bình thường:**Sau khi kiểm tra đơn đặt hàng của khách hàng nhân viên lập hóa đơn

để giao kèm theo cho khách

### Thống kê doanh thu:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề:**Nhân viên thống kê doanh thu

**Tóm tắt:**Usecase này cho phép nhân viên thống kê doanh thu sau mỗi ngày bán

**Actor:**Nhân viên

**2.Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:**Mỗi ngày phải bán được ít nhất 1 đơn hàng

**b. Kịch bản thông thường:**

1. Sau mỗi đơn hàng hóa đơn sẽ được lưu lại

2. Nhân viên sẽ thống kê doanh thu qua tất cả những hóa đơn được lưu lại trong ngày

### Quản lý đơn hàng:

1. **Tóm tắt và định danh**

**Tiêu đề:**Quản lý đơn hàng của nhân viên

**Tóm tắt:**Usecase này cho phép người quản lý quản lý đơn hàng của tất cả nhân viên

**Actor:**Quản lý

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:** Mỗi ngày phải bán được ít nhất 1 đơn hàng

**b. Kịch bản thông thường:**Mỗi ca sẽ có nhân viên khác nhau.Mỗi nhân viên sẽ quản lý đơn hàng ở ca của mình.Quản lý sẽ quản lý đơn hàng của tất cả nhân viên

### Quản lý khách hàng:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề:**Quản lý tài khoản khách hàng

**Tóm tắt:**Người quản lý quản lý tài khoản của khách hàng

**Actor:**Quản lý

**2. Mô tả kịch bản:**

**a. Điều kiện tiên quyết:**Không có

**b. Kịch bản thông thường:**

1. Quản lý đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình.

2. Quản lý có thể thay đổi thông tin tài khoản của khách hàng

### Quản lý nhân viên:

1. **Tóm tắt và định danh:**

**Tiêu đề:**Quản lý tài khoản nhân viên

**Tóm tắt:**Người quản lý quản lý tài khoản của nhiên viên

**Actor:**Quản lý

**2. Mô tả kịch bản:**

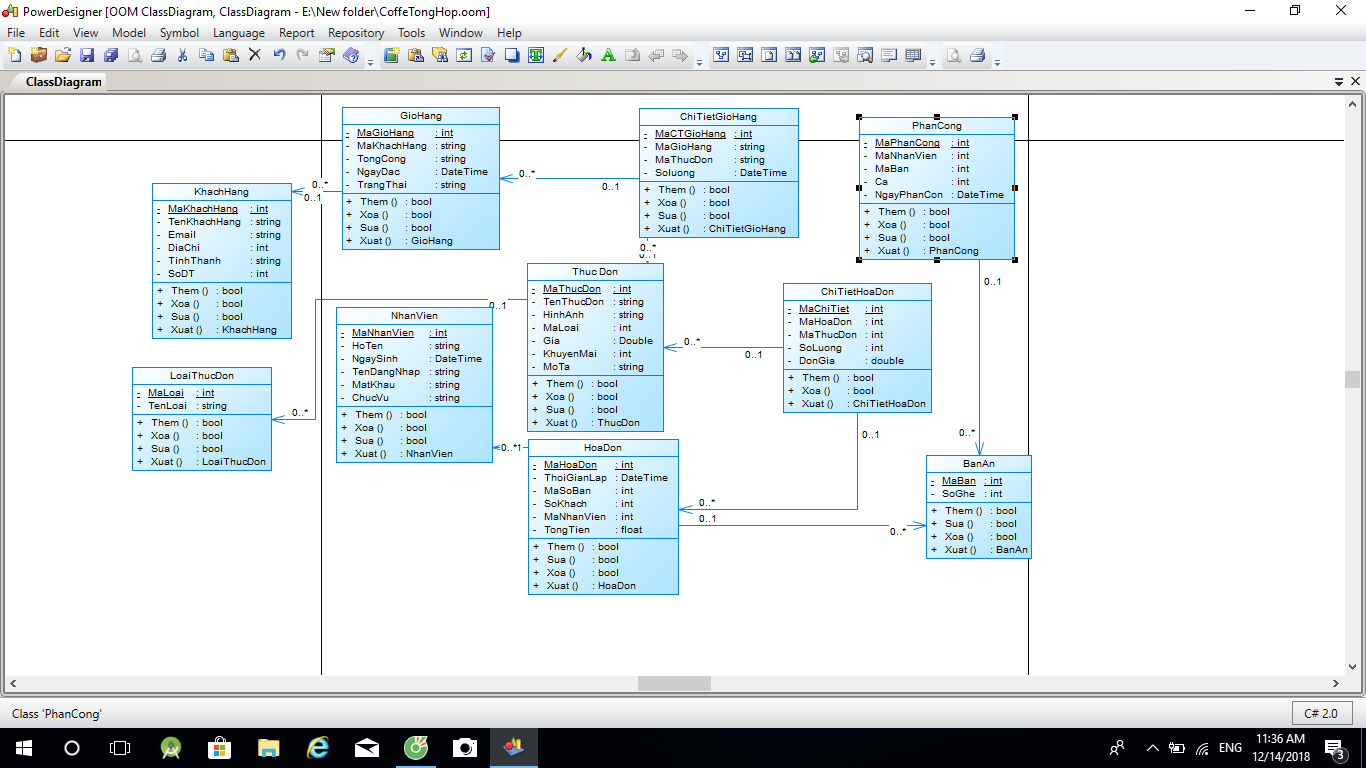
**a. Điều kiện tiên quyết:**Không có

**b. Kịch bản thông thường:**

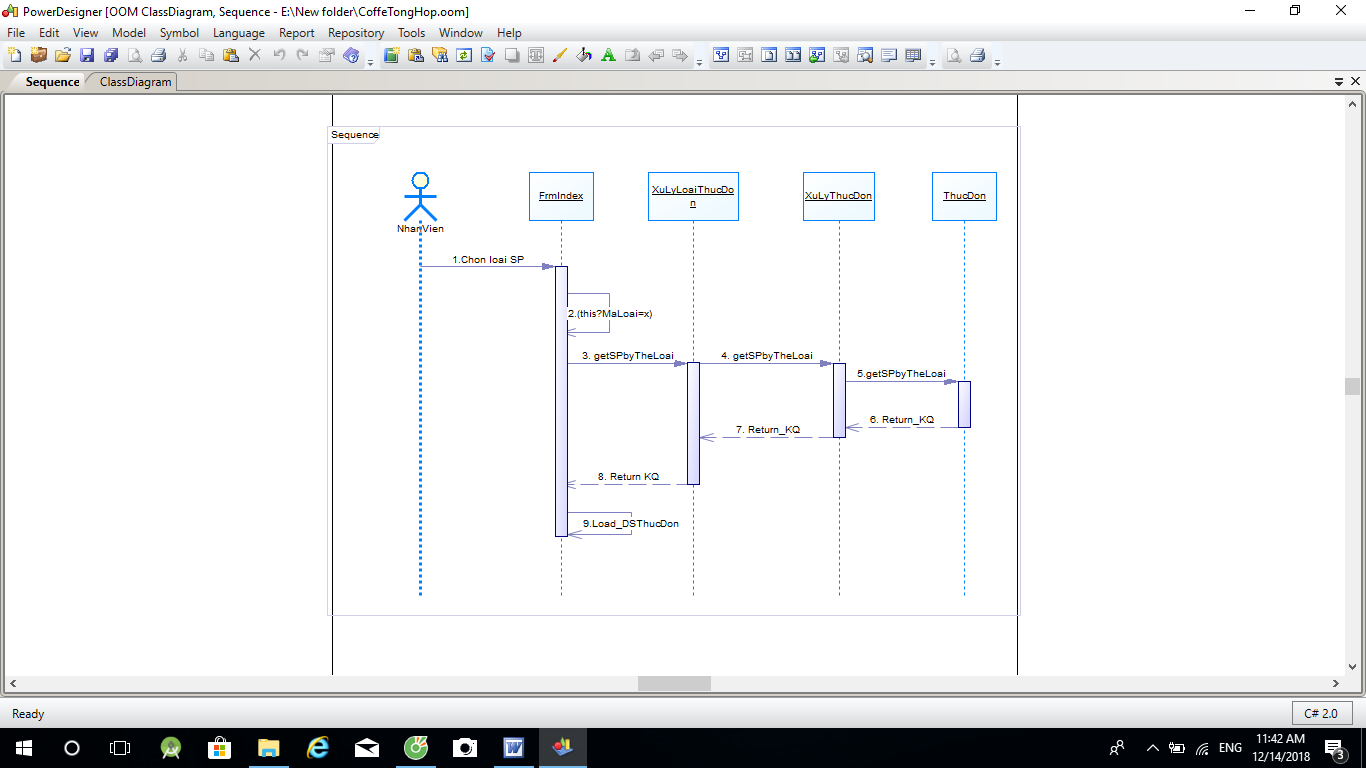
1. Quản lý đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình.

2. Quản lý có thể thay đổi thông tin tài khoản của Nhân viên

# III. Class Diagram



# IV. Sequence Diagram



***Ngữ Cảnh Lọc Sản Phẩm***

**\*Đặc tả:**

-Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

-Nhân viên chọn loại sản phẩm

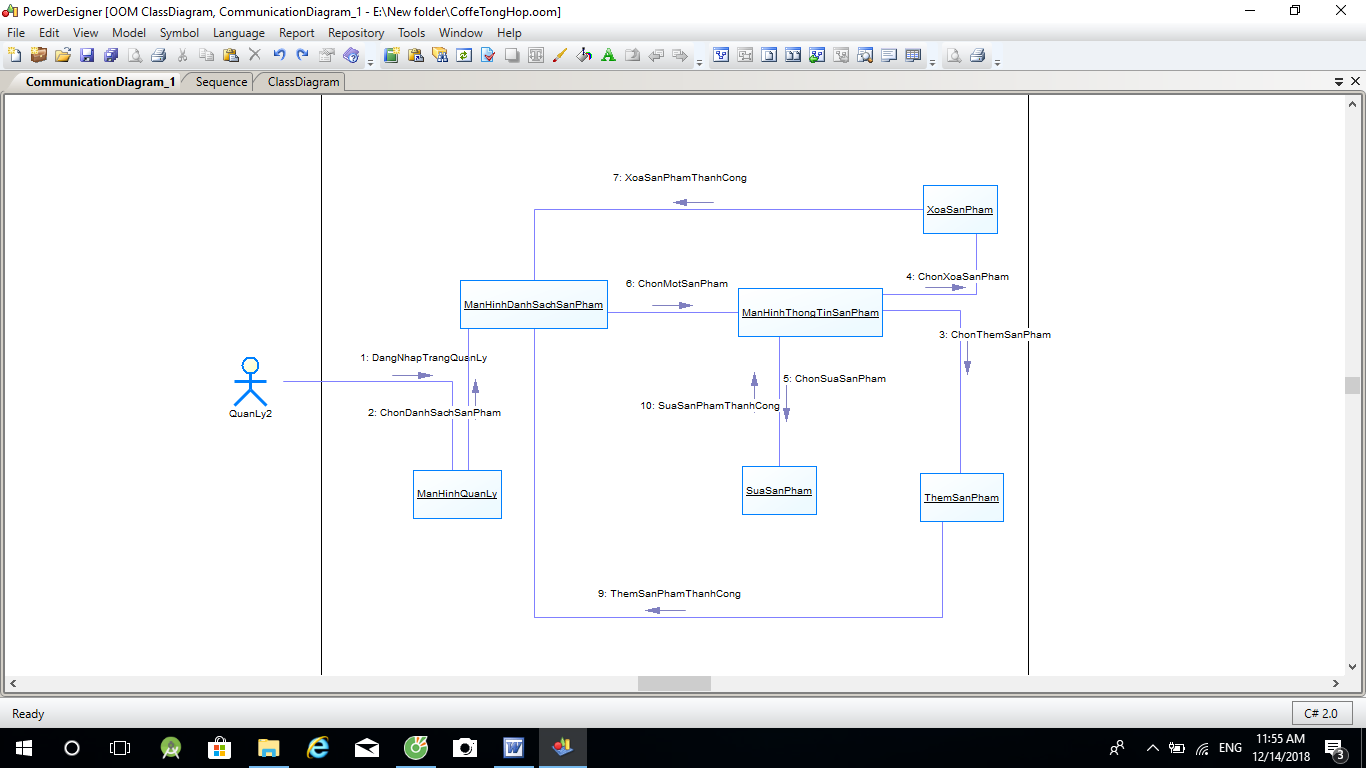
-Hệ thống sẽ lọc sản phẩm dựa trên mã loại

-Xử lý loại sản phẩm bằng mã loại

-Lọc sản phẩm theo mã loại

-Hiển thị sản phẩm

# V. Communication Diagram



***Ngữ Cảnh Quản Lý Sản Phẩm***

**\*Đặc tả:**

-Nhân viên đâng nhập vào trang quản lý

-Bấm chọn vào nút chọn danh sách sản phẩm ở màn hình quản lý

-Màn hình danh sách sản phẩm sẽ hiện lên

-Nhân viên chọn 1 sản phẩm để thao tác(thêm,xóa sửa)

-Nếu nhân viên chọn thêm

-Màn hình hệ thống hiển thị thêm thành công rồi

Hiển thị màn hình danh sách sản phẩm

-Nếu nhân viên chọn xóa

-Màn hình hệ thống hiển thị xóa thành công rồi

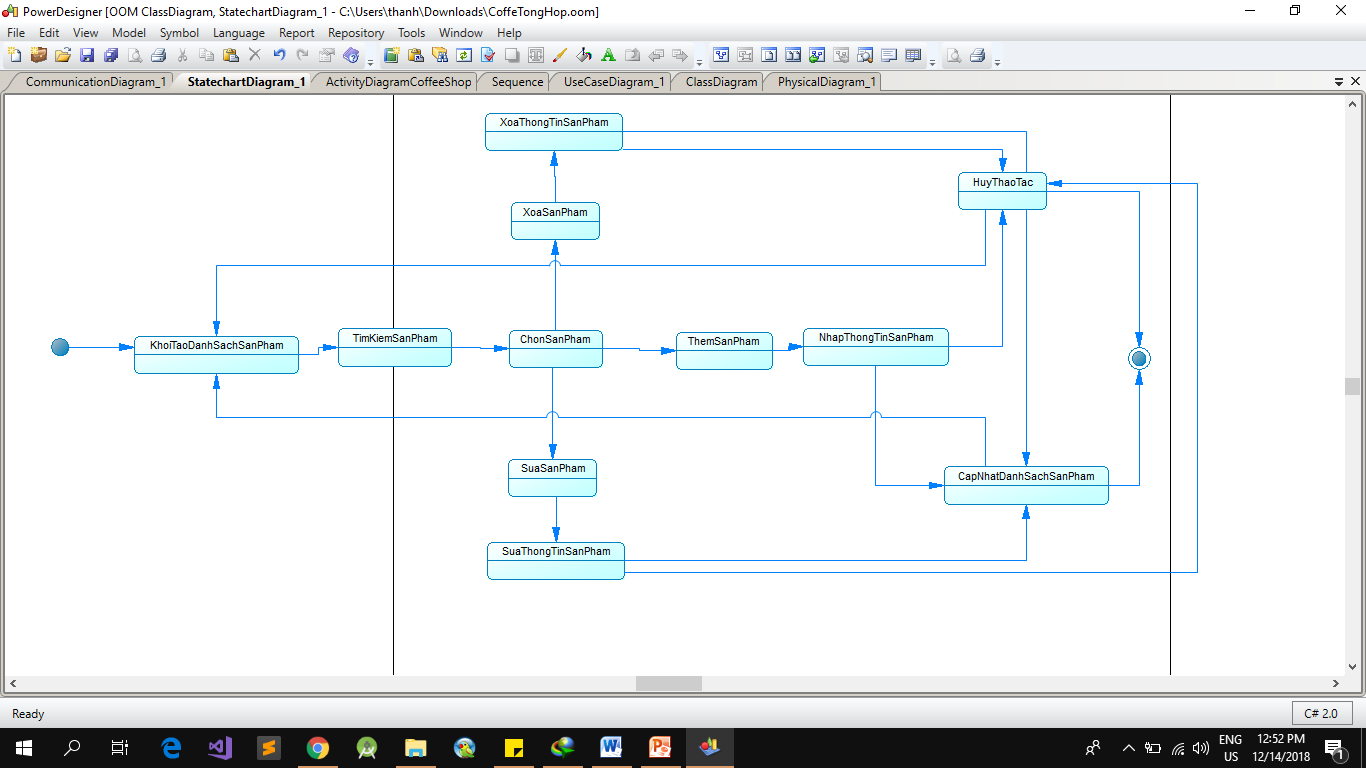
Hiển thị màn hình danh sách sản phẩm

-Nếu nhân viên chọn sửa

-Màn hình hệ thống hiển thị sửa thành công rồi

Hiển thị màn hình danh sách sản phẩm

# VI. StateChart Diagram

****

***Ngữ Cảnh Quản Lý Sản Phẩm***